

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYỀN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 204/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 24/10/2019.

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYỀN, TỈNH QUẢNG NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hoàng và ông Trịnh Sơn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Vinh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn KC, xã DS, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức S, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn PN 2, xã DT, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 17 tháng 7 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã DS. Vợ chồng chung sống đến cách đây 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông S thường hay uống rượu, gây sự trong nhà, không

lo làm ăn. Vợ chồng không hợp tính tình, ông S không quan tâm đến bà. Bà Nều lần khuyên can ông S nhưng ông vẫn không thay đổi. Bà đã về nhà cha mẹ đẻ tại thôn KC, xã DS để sinh sống từ 2 năm nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị được ly hôn với ông Nguyễn Đức S.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Không có.

Tại văn bản trả lời ý kiến lập ngày 10/9/2019, bị đơn ông Nguyễn Đức S trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông thường hay uống rượu nhưng bà N thì lại ích kỷ trong cuộc sống nên từ tháng 5/2019 vợ chồng không còn chung sống với nhau. Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời gian. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Bà N chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Ông S có đơn xin giải quyết vắng mặt. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà N ly hôn với ông S. *Các tài liệu chứng cứ của vụ án gồm:*

- Đơn khởi kiện, bản tự khai của bà N
- Bản chính giấy đăng ký kết hôn
- Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng.
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu.

Các tình tiết sự kiện các bên không thống nhất và ý kiến của các bên:

Bà Nguyễn Thị Thu N yêu cầu ly hôn. Ông Nguyễn Đức S không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Đức S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đồng thời ông có đơn xin giải quyết vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Đức S kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã DS vào năm 2014 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Vì vậy giữa ông bà phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vợ chồng chung sống được 2 năm phát sinh mâu thuẫn. Lời khai của bà N phù hợp với lời khai của ông S, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của ông bà có cơ sở xác định: nguyên nhân là do ông Nguyễn Đức S thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn. Vợ chồng không còn chung sống từ 2 năm nay.

Quá trình tố tụng, mặc dù ông S đã có văn bản trả lời ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà N và ông đã Nêu lần được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng để ông tham gia các buổi hòa giải nhưng ông Nguyễn Đức S không hợp tác, thể hiện thái độ xem thường pháp luật và không mong muốn xây dựng gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay bà N vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin ly hôn. Xét thấy ông S đã có hành vi vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân của ông bà rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu N.

[2] Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Đức S và bà Nguyễn Thị Thu N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Đức S.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 7809 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/10/2019). Ông Nguyễn Đức S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Qnam
- VKSND huyện Duy Xuyên.
- Chi cục THADS huyện Duy Xuyên.
- UBND xã DS.
- UBND xã DT
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Tám